

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

LÊ HIẾU*

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CCKT) nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) là con đường đã được Đảng và Nhà nước ta xác định là hướng đi tất yếu để phát triển kinh tế, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, chậm phát triển, trở thành một quốc gia văn minh, hiện đại.

Thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một quá trình khó khăn và lâu dài. Đó là quá trình biến đổi về chất, toàn diện và là quá trình chuyển dịch CCKT theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, hiện đại hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng các thành tựu khoa học đưa vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa trên thị trường. Đồng thời, tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỉ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quy hoạch và phát triển nông thôn, tổ chức lại sản xuất và xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp; xây dựng nông thôn dân chủ, văn minh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nông dân nông thôn. Nói cách khác, đây là quá trình chuyển dịch CCKT theo hướng tiến bộ, phát huy lợi thế so sánh của từng khu vực; trong đó, phát triển một nền nông nghiệp và thị trường hàng hoá đa dạng trên cơ sở một nền nông nghiệp gắn bó với công nghiệp, phát triển ngành nghề mới, một hệ thống dịch vụ có hiệu quả đáp ứng các yêu cầu phát triển

trên địa bàn nông thôn.

1. Vài nét về vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn nước ta hiện nay.

Nước ta là một nước thuần nông có nền kinh tế chưa phát triển, điều kiện sản xuất còn lạc hậu. Hiện nay, CCKT và lao động ở khu vực nông thôn so với các khu vực khác còn bất hợp lý; ngay trong khu vực nông thôn cũng còn mất cân đối nghiêm trọng giữa các ngành nghề và tỉ lệ lao động được phân bổ. Đây là một khó khăn cho bước khởi đầu trong tiến trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Theo số liệu điều tra kinh tế xã hội nông thôn, cho đến nay, số hộ phi thuần nông ở nông thôn chiếm gần 20% tổng số hộ nông thôn cả nước và tạo ra từ 20% đến 25% thu nhập quốc dân trong khu vực này, 80% là lao động nông nghiệp; trong đó, tỉ trọng lao động trồng trọt là chủ yếu. Trong 7 vùng sinh thái của cả nước thì khu vực Đồng bằng sông Hồng và trung du miền núi có tỉ trọng hộ nông nghiệp cao hơn cả (đồng bằng sông Hồng: hộ nông nghiệp chiếm 92,2%, hộ phi nông nghiệp 7,8%; trung du miền núi: hộ nông nghiệp chiếm 91,4%, hộ phi nông nghiệp 8,6%...).

Trong những năm gần đây, kinh tế nông nghiệp có sự phát triển liên tục với nhịp độ tăng trưởng từ 4,5%-5,0%/năm, song với tốc độ tăng dân số có nơi lên tới 2,8% làm cho mức thu nhập bình quân đầu người còn rất thấp (khoảng 130.000đồng/người/tháng

* Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

và trung bình một lao động nông nghiệp mới làm ra khoảng 2,5 triệu đồng/năm), theo đó, do sự khác biệt giữa các vùng về thu nhập từ nông nghiệp mà lợi nhuận lao động gia đình ở vùng nghèo chỉ bằng khoảng 20%-30% vùng giàu có hơn...

Tuy nhiên, với đường lối và chiến lược phát triển kinh tế của Đảng trong tiến trình CNH, HĐH và quá trình hội nhập là tập trung và ưu tiên phát triển bền vững nông nghiệp và nông thôn, việc chuyển dịch CCKT nông thôn đã có những thành tựu đáng kể.

Cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã có bước chuyển dịch tích cực đúng hướng, phát huy được hiệu quả và lợi thế so sánh của từng vùng. Cụ thể, đẩy mạnh sản xuất các loại nông sản hàng hóa có nhu cầu thị trường và có giá trị kinh tế cao. Tiếp tục bảo đảm tốt an ninh lương thực quốc gia, tuy giảm diện tích trồng lúa (khoảng hơn 300 nghìn ha) để chuyển sang nuôi trồng thủy sản và các cây trồng khác có giá trị cao hơn, nhưng sản lượng lương thực bình quân mỗi năm vẫn tăng hơn một triệu tấn. Hàng năm vẫn xuất khẩu khoảng 3,5-4 triệu tấn gạo.

Trong nông nghiệp, cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng các loại sản phẩm có năng suất và hiệu quả kinh tế cao, tập trung phát triển một số cây công nghiệp và ăn quả có tiềm năng xuất khẩu và sức cạnh tranh quốc tế. Kinh tế nông thôn phát triển theo hướng đa dạng hoá ngành nghề, tăng tỉ trọng của công nghiệp và dịch vụ, giảm sản xuất thuần nông... Tốc độ chăn nuôi tăng nhanh hơn trồng trọt, cây công nghiệp và cây ăn quả tăng nhanh hơn cây lương thực. Sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả có sự điều chỉnh mạnh theo nhu cầu thị trường để xuất khẩu và thay thế hàng nhập khẩu, hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với công nghiệp bảo quản, chế biến. Diện tích, sản lượng cây công nghiệp tăng nhanh. So với những năm 1990, đến nay, diện tích cây công nghiệp

hàng năm tăng 49,8%, cây công nghiệp dài ngày tăng 82,9%, cây ăn quả tăng 55,6%, diện tích cây lương thực tăng 20,1%; diện tích cao su tăng 61,7%, năng suất tăng 114,4%; sản lượng cà phê tăng gấp 20 lần, cao su gấp 3,5 lần, chè gấp 1,8 lần, điều 104 lần. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm sản đạt 2,85 tỉ USD, bằng 35% giá trị sản lượng toàn ngành. Tỉ lệ che phủ của rừng đạt 38,8%. Các vùng chuyên canh sản xuất tập trung với quy mô lớn dần được hình thành như: lúa gạo (vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng đồng bằng sông Hồng), cà phê, cao su (Tây Nguyên, Đông Nam Bộ), chè (trung du miền núi phía Bắc và Lâm Đồng), mía đường (khu 4, duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ), điều (duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Tây Nguyên)...

Chăn nuôi tăng bình quân 10%/năm; tỉ trọng giá trị chăn nuôi trong nông nghiệp tăng từ 19,3% lên 21,6%. Đàn bò, nhất là bò sữa tăng nhanh, đạt 95 nghìn con, sản lượng sữa tươi tăng gấp 3 lần; đàn lợn tăng 46,3%, trọng lượng hơi xuất chuồng tăng 27%; sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng 2,0 lần, sản lượng khai thác tăng 1,2 lần.

Giá trị sản xuất công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản tăng trưởng bình quân 12-14%/năm. Sản xuất tiểu, thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn tăng bình quân 15%/năm. Hiện cả nước có gần 3.000 làng nghề, khoảng 1,35 triệu cơ sở ngành nghề nông thôn, với khoảng 1,4 triệu hộ, thu hút hơn 10 triệu lao động (trong đó, có khoảng 1,5 triệu người làm hàng mĩ nghệ).

CCKT nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng dần tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng nông nghiệp. Tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP đã giảm từ 38,7% năm 1990 xuống còn 27,2% năm 1995, 25% năm 2000 và năm 2007 còn 20%; lao động nông nghiệp giảm từ 59,04% xuống 57,9%, lao động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm khoảng 17%, dịch vụ chiếm 25,1%. Thời gian lao động cho sản xuất thuần nông

hiện nay chỉ chiếm khoảng 60%, còn lại được sử dụng cho việc phát triển các ngành nghề khác như lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ khác... Nguồn thu của hộ nông dân từ nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 77,5%; công nghiệp, xây dựng và dịch vụ nông thôn đã dần tăng lên, chiếm 22,5% tổng thu.

Trình độ khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản từng bước được nâng cao theo hướng sử dụng giống mới, công nghệ sinh học, phương thức canh tác tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, thủy sản. Đến nay, có hơn 90% diện tích lúa, 80% diện tích ngô, 60% diện tích mía, 100% diện tích điều trồng mới... được sử dụng giống mới. Công nghệ sử dụng mô hom được đưa nhanh vào sản xuất giống cây rừng nên năng suất chất lượng rừng được cải thiện. Nhiều khâu trong sản xuất nông nghiệp được cơ giới hóa như: tưới nước, tuốt lúa, xay xát đạt hơn 80%, vận chuyển làm đất đạt hơn 60%. Có thể nói, nhờ sự quan tâm và đầu tư cho công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến nên hiệu suất sử dụng sản phẩm nông nghiệp tăng lên, giá trị tăng gấp nhiều lần. Nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ với sự ưu đãi đã định hướng hoạt động về thị trường nông thôn để khai thác về đất đai và lao động. Các ngành nghề truyền thống và dịch vụ nông thôn phát triển khá nhanh, mỗi năm bình quân tăng 9% đến 10% về giá trị sản lượng, góp phần làm cho tỉ trọng giá trị sản lượng các ngành nghề và dịch vụ tăng dần trong CCKT nông thôn, từ dưới 10% lên trên 30%.

Quan hệ sản xuất được xây dựng ngày càng phù hợp. Cả nước hiện có 72 nghìn trang trại, tăng bình quân 10%/năm, kinh tế trang trại đã góp phần đáng kể vào chuyển dịch CCKT nông thôn. Ngoài ra, thành lập mới được hơn 500 hợp tác xã nông nghiệp, chủ yếu hoạt động theo hướng dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm và hàng trăm nghìn tổ kinh tế hợp tác...

Với sự chuyển dịch CCKT nông thôn,

đời sống của người nông dân được cải thiện rõ rệt. Tỉ lệ hộ giàu tăng lên từ 8,08% năm 1990 lên hơn 20% như hiện nay. Nông thôn có bước phát triển khá nhanh. Nhiều công trình thủy lợi đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, bảo đảm tưới cho 90% diện tích lúa, hàng vạn ha hoa màu, cây công nghiệp và cây ăn quả; hệ thống đê điều được củng cố. Đến nay đã có 98% số xã có đường ô tô tới khu trung tâm, hơn 90% số xã có điện, gần 88% số hộ dân nông thôn được sử dụng điện...

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, việc chuyển dịch CCKT nông thôn còn một số vấn đề cần giải quyết.

- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở nhiều nơi chuyển dịch còn chậm; giá trị sản lượng ngành trồng trọt còn chiếm tỉ trọng cao, từ 73% đến 75% tổng giá trị sản lượng; các ngành sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ đã tăng từ 12% những năm 1980 lên 22% những năm gần đây song giá trị còn nhỏ và phát triển không đều. Các làng nghề truyền thống ngày càng bị mai một. Một số ngành nghề mới phát triển nhưng chưa mang tính chiến lược, sản xuất không ổn định, sản phẩm đầu ra kém sức cạnh tranh và chưa được Nhà nước bảo trợ, khuyến khích. Vấn đề tiêu thụ sản phẩm đã trở thành mối lo thường xuyên của người nông dân.

- Việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn chậm... Công nghệ sinh học - yếu tố cơ bản để chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, nâng cao năng suất lao động nông nghiệp còn chưa được quan tâm và đầu tư thoả đáng, chưa tương xứng với yêu cầu đòi hỏi phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Mặt khác, tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi, môi trường sinh thái bị huỷ hoại dẫn đến việc quy hoạch, khai thác và phát huy lợi thế so sánh của từng vùng bị hạn chế.

- Việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp và phát triển các thành phần kinh tế chưa được đẩy mạnh. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp. Doanh nghiệp tư nhân là nhân tố quan trọng trong phát triển và chuyển dịch CCKT, cơ cấu lao động ở nông thôn, nhưng quy mô nhỏ bé, chủ yếu là dịch vụ (chỉ có 5% liên quan đến sản xuất) và chỉ phát triển mạnh ở ven đô thị, hoặc nơi có kết cấu hạ tầng tương đối phát triển.

- Chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị ngày càng gia tăng...

2. Một số định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn trong giai đoạn tới.

Nhằm bảo đảm một tỉ lệ lao động hợp lý trong nông nghiệp là 50% và công nghiệp - dịch vụ 50%; ngành nông, lâm nghiệp, trồng trọt chiếm 60%, chăn nuôi chiếm 40% giá trị sản lượng toàn ngành; xây dựng CCKT nông thôn theo hướng: nông nghiệp - công nghiệp và ngành nghề - dịch vụ, đến năm 2010, những chương trình lớn cần thực hiện trong ngành nông nghiệp là:

- Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, chuyển mạnh sang sản xuất các loại sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao; phát triển mạnh chăn nuôi; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với việc chuyển giao công nghệ sản xuất, bảo quản và chế biến; khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, tự phát. Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh lại quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng: phát huy lợi thế tự nhiên của từng vùng, lợi thế kinh tế của từng loại cây trồng, con gia súc, tăng tỉ trọng chăn nuôi và dịch vụ; hình thành vùng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường và công nghiệp chế biến, bảo đảm hiệu quả bền vững và an ninh lương thực quốc gia...

- Mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng cây lương thực, cây công nghiệp, rau, hoa, quả, bảo đảm cung cấp đủ cho tiêu dùng, nguyên liệu cho các ngành công

ng nghiệp chế biến và hướng mạnh ra xuất khẩu. Từ nay đến năm 2010, phải giữ tốc độ tăng trưởng về sản lượng lương thực ít nhất là 2%/năm, duy trì 4,2 triệu ha sản xuất lúa. Phát triển khoảng 3 triệu ha cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm,... Hình thành các vùng chuyên canh lớn với công nghệ chế biến hiện đại để bao tiêu và nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông sản.

- Trong nông nghiệp phải đưa chăn nuôi trở thành ngành chính, có sản lượng và chất lượng cao. Mục tiêu đề ra đến năm 2010 đạt được khoảng 10 triệu con trâu bò, 24 triệu con lợn, khoảng 300 triệu con gia cầm, với gần 4 triệu tấn thịt hơi các loại, sữa tươi là 200.000 tấn. Ngành chăn nuôi phấn đấu đạt khoảng 40% GDP trong nông nghiệp.

- Phát triển mạnh và đầu tư thoả đáng cho công nghiệp chế biến nông sản. Đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật khâu sau thu hoạch để giảm hao hụt. Phát huy lợi thế về thủy sản, tạo thành một ngành kinh tế mũi nhọn, vươn lên hàng đầu trong khu vực. Phát triển mạnh nuôi, trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn, nhất là nuôi tôm, theo phương thức tiến bộ, hiệu quả và bền vững môi trường. Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ; chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, ổn định khai thác gần bờ; nâng cao năng lực bảo quản, chế biến sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế và trong nước. Mở rộng và nâng cấp các cơ sở hạ tầng, dịch vụ nghề cá. Giữ gìn môi trường biển và sông, nước, bảo đảm cho sự tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, nâng độ che phủ của rừng lên 43%. Hoàn thành việc giao đất, giao rừng ổn định và lâu dài theo hướng xã hội hóa lâm nghiệp, có chính sách bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và có chính sách hỗ trợ để định canh, định cư, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi. Ngăn

chặn nạn đốt, phá rừng. Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, tạo nguồn gỗ trụ mỏ, nguyên liệu cho công nghiệp bột giấy, công nghiệp chế biến gỗ và làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu; nâng cao giá trị sản phẩm rừng.

- Khôi phục và phát triển các ngành nghề nông thôn, đặc biệt là các làng nghề truyền thống, các cơ sở chế biến, khuyến khích các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và vật liệu tại chỗ như công nghiệp giấy đạt 90%, da giày 75%, dệt may 70%, vật liệu xây dựng 100%, sành sứ 90%...

- Phát triển mạnh công nghiệp và các ngành nghề dịch vụ phục vụ nông nghiệp ở nông thôn, tạo đà cho sự chuyển dịch CCKT như ngành cơ khí nông nghiệp, dịch vụ tư vấn tìm kiếm ngành nghề, nuôi trồng chế biến, dịch vụ cung ứng tài chính nông nghiệp, tổ chức quản lý và đào tạo nâng cao tay nghề và trình độ quản lý sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nông thôn. Hình thành các khu vực tập trung công nghiệp, các điểm công nghiệp ở nông thôn, các làng nghề gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu. Chuyển một phần doanh nghiệp gia công (may mặc, da - giày...) và chế biến nông sản ở thành phố về nông thôn. Có chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế vào phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

Trên cơ sở chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang các ngành, nghề khác, từng bước tăng quỹ đất canh tác cho mỗi lao động nông nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, tăng việc làm và thu nhập cho dân cư nông thôn.

- Đưa nhanh khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhất là việc nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng giống cây trồng, giống vật nuôi, kỹ thuật canh tác và môi trường; ứng dụng mạnh công nghệ sinh học và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao... Tăng cường đội ngũ, nâng cao năng lực và phát huy tác dụng của cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

- Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước và đa dạng hóa các nguồn vốn để tiếp tục đầu tư phát triển mạnh hơn cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn. Ưu tiên nâng cấp và xây dựng mới các hệ thống thủy lợi đồng bộ, đi đôi với đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý để bảo đảm an toàn về nước. Cùng cố hệ thống hồ đập, kè ven sông, ven biển; nâng cấp các hệ thống cảnh báo, chủ động phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường nước. Tiếp tục đầu tư phát triển giao thông nông thôn, bảo đảm các xã đều có đường ô tô tới khu trung tâm, từng bước phát triển đường ô tô tới thôn bản; bảo đảm hơn 90% số dân cư nông thôn có điện sinh hoạt; hơn 75% số dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch.

- Rà soát bổ sung, điều chỉnh chính sách về đất đai, thuế, tín dụng, đầu tư... nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện hình thành các khu và cụm công nghiệp, cụm làng nghề ở nông thôn để thu hút các cơ sở sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ sử dụng nhiều lao động và nguồn nguyên liệu từ nông, lâm thủy sản...

- Tập trung giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho nông dân và lao động nông thôn, đặc biệt quan tâm giải quyết việc làm và thu nhập cho nông dân có đất bị thu hồi để sử dụng vào mục đích phát triển khu công nghiệp, khu đô thị, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn có việc làm tại chỗ và ngoài khu vực nông thôn. Có chính sách trợ giúp thiết thực để đẩy mạnh đào tạo nghề cho nông dân và lao động nông thôn, đáp ứng cho yêu cầu chuyển dịch CCKT nông nghiệp, nông thôn và tìm việc làm ngoài khu vực nông thôn, kể cả đi lao động ở nước ngoài.

- Tiếp tục đầu tư nhiều hơn cho chương trình xóa đói giảm nghèo, trợ giúp thiết thực cho các vùng và cộng đồng dân cư còn nhiều khó khăn, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí và có chính sách tín dụng cho người nghèo từng bước vượt qua khó khăn, thoát nghèo và nâng cao mức sống một cách bền vững... □